TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 674/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-07-2024
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Hữu Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 485/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-07-2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị H** , sinh năm: 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ 15, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Tấn N** , sinh năm: 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ 15, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 03 năm 2024, bản tự khai ngày 05/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Phạm Thị H trình bày như sau:

Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Tấn N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hành P, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, theo Trích lục kết hôn số: 64/TLKH-BS ngày 04/03/2021 (Sổ đăng ký kết hôn số: 43/2007 ngày 23 tháng 03 năm 2007). Sau khi kết hôn vợ chồng ông N , bà H chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N có mối quan hệ tình cảm bên ngoài với người phụ nữ khác, đã nhiều lần bà H tha thứ và cho cơ hội sửa đổi nhưng vẫn không thay đổi còn đánh đập, bạo hành đối với bà Hoanh, sự việc này cơ quan công an tại địa phương biết rất rõ vì bà H đã nhiều

lần trình báo. Trước sự bạo hành của ông N nên bà H không thể nào chịu nổi và đã dọn ra ngoài sinh sống cùng với con gái, đã ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên bà Phạm Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn N .

Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Tấn N chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Thị Kim Phượng, sinh ngày: 15/01/2001, giới tính: Nữ, do cháu P đã thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi mình, nên bà H không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự chung khác: Bà Phạm Thị H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn N , về con chung là Nguyễn Thị Kim P đã thành niên nên bà H không có yêu cầu, về tài sản chung bà H yêu cầu tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết. Riêng về nợ chung bà H xác nhận là có nợ chung, số tiền này dùng để mua đất cất nhà tại địa chỉ Nhà không số, Tổ 15, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H yêu cầu tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn N đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt tại nơi cư trú: Nhà không số (gần nhà B12F/53H1), Tổ A, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông N vắng mặt không đến Toà án trình bày ý kiến cũng nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì tại phiên toà ông Nguyễn Tấn N có mặt và xác nhận lời trình bày của bà Phạm Thị H là đúng. Tại phiên toà ông N đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị H ; Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày: 15/01/2001, giới tính: Nữ, do cháu P đã thành niên ông N không có yêu cầu về con chung; về tài sản chung: ông N yêu cầu tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: ông N xác nhận không có nợ chung như lời trình bày của bà H và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Tấn N . Về con chung có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Kim Phượng, sinh ngày: 15/01/2001, giới tính: Nữ đã thành niên, các bên đương sự không có yêu cầu ông N không có yêu cầu về con chung. Về tài sản chung

và nợ chung các bên đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Bà Phạm Thị H chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn N . Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh của Công an xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh: " Đương sự Nguyễn Tấn N , sinh năm: 1974 có đăng ký nơi ở hiện tại và thực tế cư trú tại Nhà không số, Tổ 15, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh". Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[3] Nguyên đơn – bà Phạm Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn – ông Nguyễn Tấn N ; Về con chung: Có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày: 15/01/2001, giới tính: Nữ, do cháu P đã thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi mình, nên bà H không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung. Về tài sản chung: bà H yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: bà H yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Bị đơn - ông Nguyễn Tấn N đồng ý ly hôn với nguyên đơn; Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày: 15/01/2001, giới tính: Nữ, do cháu P đã thành niên bị đơn không có yêu cầu về con chung; về tài sản chung: ông N yêu cầu tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: ông N xác nhận không có nợ chung như lời trình bày của bà H và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Tấn N , chấp nhận yêu cầu không giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Bà Phạm Thị H chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hành P, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, theo Trích lục kết hôn số: 64/TLKH-BS ngày 04/03/2021 (Sổ đăng ký kết hôn số: 43/2007 ngày 23 tháng 03 năm 2007). Do đó, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, sống ly thân với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc gia đình. Tại phiên toà bị đơn có mặt và đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về con chung: Nguyên đơn xác nhận có 01 (Một) con chung tên là Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày: 15/01/2001, giới tính: Nữ, do cháu P đã thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi mình, nên bà H và ông N không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[9] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng yêu cầu tự thoả thuận về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[10] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận có nợ chung, số tiền này dùng để mua đất cất nhà tại địa chỉ Nhà không số, Tổ 15, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Bị đơn xác nhận không có nợ chung. Nguyên đon yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp các bên có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án khác sau khi ly hôn.

[11] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Tấn N .

Giấy Chứng nhận kết hôn số: 43/2007, đăng ký ngày 23/03/2007 do Ủy ban nhân dân xã Hành P, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Nguyễn Tấn N và bà Phạm Thị H không còn giá trị pháp lý.

2- Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày: 15/01/2001, giới tính: Nữ, đã thành niên bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Tấn N không có yêu cầu về con chung. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

3- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Tấn N yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Bà Phạm Thị H xác nhận có nợ chung và yêu cầu tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông Nguyễn Tấn N xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Bà Phạm Thị H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Phạm Thị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033750 ngày 08 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- UBND xã Hành P, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ôn Kim Chi